

Bản án số: **224/2025/DS-ST**
Ngày: 30/9/2025
V/v: “ Tranh chấp di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - VĨNH LONG.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thái Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn Khanh;
2. Ông Đặng Hoàng Mích.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Tiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Vĩnh Long.
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 489/2024/TLST- DS ngày 26 tháng 11 năm 2024, về việc: “ *Tranh chấp di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm: 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Trần Chí T**, sinh năm: 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: **Nguyễn Thúy K**, sinh năm: 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: **Nguyễn Thị Phụng H**, sinh năm : 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Trần Thúy V, sinh năm: 2004 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Trần Thị Huyền T, sinh năm: 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2024, biên bản hòa giải ngày 08/8/2025 cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Chí T trình bày nội dung khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:*

Ông Nguyễn Hoàng H và bà Phan Thị T chung sống như vợ chồng từ năm 1983. Quá trình chung sống có 02 con chung gồm: Nguyễn Văn H2, sinh năm: 1984 đã chết năm: 2022 (anh H2 có vợ là chị Trần Thị Huyền T, sinh năm: 1985 và con gái là chị Nguyễn Trần Thúy V, sinh năm: 2004); Nguyễn Thúy K (Nguyễn Thị Thúy K), sinh năm: 1986.

Bà Phan Thị T chết vào năm 2015. Không để lại di chúc. Cha mẹ của ông H và bà T đều đã chết từ lâu.

Khi còn sống ông Nguyễn Hoàng H và bà Phan Thị T có tạo lập tài sản chung là căn nhà cấp 4 có kết cấu: Nhà xây tường móng cột bê tông cốt thép, mái tole, nền lát gạch toạ lạc trên thửa đất 78 tờ bản đồ số 43 xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra bà Phan Thị T còn để lại di sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa 78, 88 tờ bản đồ số 43 xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Nguồn gốc 2 thửa đất này là của cha mẹ bà T cho bà T.

Thửa 88 tờ 43 là đất thổ mộ, hiện nay hầu như đã cho người thân và một số hộ khác chôn cất kín đất, không còn đất trống. Đối với thửa đất 88 tờ 43 ông H không yêu cầu chia di sản đối với thửa đất này. Phần đất này ông yêu cầu được tạm giao quản lý.

Đối với thửa 78 tờ bản đồ số 43 hiện là đất trồng cây lâu năm, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 như đã nêu trên. Phần đất này ông yêu cầu chia di sản thừa kế thành 3 phần, ông H, chị K, anh H2 (sẽ do những người thừa kế của anh H2 nhận) mỗi người 01 phần. Ông yêu cầu nhận hiện vật ông hoàn lại cho những người khác bằng giá trị theo giá hội đồng định giá đã định ngày 20/6/2025.

Đối với căn nhà do đây là tài sản chung giữa ông và bà T nên ông H yêu cầu nhận 4/6 giá trị căn nhà (1/2 của cá nhân ông và 1/6 giá trị phần nhận thừa kế của bà T). Ông đồng ý hoàn lại cho chị K và anh H2 mỗi người 1/6 giá trị căn nhà theo giá hội đồng định giá đã định.

Theo kết quả đo đạc thì bà T và ông đã có bán cho 2 người khác là bà Lê Thị Huệ và bà Cao Thị Linh Phượng ông đồng ý trừ đi diện tích đã bán cho 02 người trên mới chia di sản thừa kế. Phần diện tích nhà G3 lấn sang thửa 78 tờ 43 có diện tích 0.8m² thuộc thửa 78-4 đã bán cho bà Huệ, ông H đồng ý bỏ diện tích này không tính vào phần chia di sản. Đối với thửa 78-3 diện tích 82.9m² hiện đã bán cho người khác làm thổ mộ và thửa 78-2 diện tích 10.7m² đã có hiện trạng là tường xây dựng nên ông đồng ý không tính diện tích hai thửa 78-2, 78-3 vào diện tích chia di sản thừa kế. Ông chỉ yêu cầu chia di sản đối với thửa 78-1 diện tích 447.5m² và giá trị nhà G1, G2. Đối với diện tích hàng rào thuộc các điểm YUTRQQ2 do hàng rào đã cũ chỉ để phân định ranh giới, ông không yêu cầu chia. Trường hợp đất thuộc về ai người đó sẽ hưởng.

Như vậy tại phiên tòa ông H chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế thửa 78-1 diện

tích 447.5m² thành 3 kỷ phần. Ông nhận 01 kỷ phần. Đối với giá trị căn nhà G1, G2 ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật ông H nhận 4/6 giá trị theo giá hội đồng định giá đã định. Ông H yêu cầu nhận bằng hiện vật và hoàn lại giá trị cho chị K và những người thừa kế của anh H2.

Đối với phần di sản anh H2 được chia. Ông H là hàng thừa kế thứ nhất của anh H2 cùng với chị Vy, chị Trân. Tuy nhiên, ông từ chối nhận phần di sản của anh H2 để lại mà để lại cho chị Trân và cháu Vy nhận.

Đối chi phí tố tụng ông H yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Theo đơn phản tố ngày 03/01/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/9/2025 biên bản hòa giải ngày 08/8/2025 cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Nguyễn Thị Phụng H trình bày nội dung khởi kiện của bị đơn và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau.*

Bị đơn thống nhất với phần trình bày của ông H về hàng thừa kế của bà T và nguồn gốc di sản thừa kế do bà T để lại.

Trước đây chị K có yêu cầu phản tố yêu cầu ông H chi di sản là thừa 78 tờ 43 thành 3 kỷ phần chị nhận 01 kỷ phần. Yêu cầu nhận bằng hiện vật. Tuy nhiên, qua kết quả đo đạc, ngày 22/9/2025 chị K có đơn khởi kiện bổ sung theo đó tại phiên tòa hôm nay chị K yêu cầu như sau:

Đối với thừa 78 tờ 43 chị K chỉ yêu cầu chia di sản đối với thừa 78-1 diện tích 447.5m² do các phần còn lại của thửa đất này đã bán cho người khác làm nhà ở và làm thổ mộ nhưng chưa sang tên. Diện tích còn lại là thừa 78-1 chị K yêu cầu chi thừa kế theo pháp luật nhưng yêu cầu được chia nhiều hơn 01 kỷ phần. Do nguồn gốc đất là của mẹ chị, hơn nữa hiện nay chị là người thờ cúng bà T. Căn nhà G1, G2 nêu trên là nơi thờ cúng bà T, ngoài ra còn có cậu ruột của chị là ông Phan Văn Rót, anh của bà T bị bệnh tâm thần đang ở. Vì vậy chị yêu cầu nhận thêm 01 kỷ phần và yêu cầu nhận bằng hiện vật. Chị đồng ý hoàn trả giá trị cho các đồng thừa kế khác. Cụ thể thừa 78-1 yêu cầu chia thành 4 kỷ phần chị nhận 2 kỷ phần. Ông H 01 kỷ phần, chị Trân, cháu Vy 01 kỷ phần.

Đối với nhà G1, G2 chị K cho rằng đây là tài sản được hình thành từ việc bán thửa đất khác của bà T để xây dựng. không phải tài sản chung của ông H bà T. Do đó chị Yêu cầu chia giá trị nhà G1, G2 thành 4 kỷ phần chị nhận 2 kỷ phần. Ông H 01 kỷ phần, chị Trân, cháu Vy 01 kỷ phần. Chị yêu cầu nhận bằng hiện vật để ở và gìn giữ tài sản của mẹ. Ngoài ra, hiện nay chị không có nhà để ở phải ở nhà thuê, nuôi 02 con nhỏ. Riêng ông H đã có vợ khác. Mục đích phân chia di sản của ông H là để bán.

Đối với diện tích hàng rào thuộc các điểm YUTRQQ2 do hàng rào cũ chỉ để phân định ranh giới nên chị không yêu cầu chia. Trường hợp đất thuộc về ai người đó sẽ hưởng.

Đối với thừa 88 tờ bản đồ số 43 đây là di sản của bà T để lại. Hiện là đất thổ mộ. Chị K không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất này. Chị K yêu cầu được tạm giao quản lý phần đất này vì đây là đất ông bà cho mẹ chị và hiện bà T

cũng được chôn cất tại đây.

Đối chi phí tố tụng chị yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật

** Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2025, biên bản hòa giải ngày 08/8/2025 cũng như tại phiên tòa chị Trần Thị Huyền T trình bày nội dung khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau.*

Chị thống nhất với phần trình bày của ông H về hàng thừa kế của bà T và nguồn gốc di sản thừa kế do bà T để lại.

Chị là vợ của anh Nguyễn Văn H2. Hiện nay anh H2 đã được tòa án tuyên bố là đã chết năm 2022. Khi chết anh H2 không để lại di chúc. Hàng thừa kế của anh H2 gồm ông H, chị và con anh H2 là chị Nguyễn Trần Thúy V.

Đối với thửa đất 88 tờ bản đồ số 43 chị không yêu cầu chia di sản thừa kế vì đây là đất thổ mộ. Hiện trạng đã cho xây cất mộ gần như hết đất. Chị không yêu cầu được tạm giao quản lý.

Đối với thửa đất số 78 tờ 43 chị và cháu Vy chỉ yêu cầu chia thửa 78-1 diện tích 447.5m². Do các thửa khác đã bán cho người khác xây nhà và xây thổ mộ. Đối với thửa 78-1 chị yêu cầu chia di sản thành 3 kỷ phần. Chị và cháu Vy nhận 01 kỷ phần của anh H2. Chị yêu cầu nhận bằng giá trị theo giá hội đồng định giá đã định.

Đối với giá trị căn nhà G1, G2 chị yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật chị và cháu Vy nhận 1/6 giá trị nhà G1, G2 theo giá hội đồng định giá đã định. Chị yêu cầu nhận giá trị.

Đối với việc ông H từ chối nhận di sản của anh H2 chị đồng ý và không có ý kiến gì khác.

Đối chi phí tố tụng chị yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật

** Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2025, biên bản hòa giải ngày 08/8/2025 cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Trần Thúy V trình bày nội dung khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau.*

Chị thống nhất với phần trình bày của ông H về hàng thừa kế của bà T và nguồn gốc di sản thừa kế do bà T để lại.

Đối với thửa đất 88 tờ bản đồ số 43 chị không yêu cầu chia di sản thừa kế vì đây là đất thổ mộ. Hiện trạng đã cho xây cất mộ gần như hết đất. Chị không yêu cầu được tạm giao quản lý.

Đối với thửa đất số 78 tờ 43 chị chỉ yêu cầu chia thửa 78-1 diện tích 447.5m². do các thửa khác đã bán cho người khác xây nhà và xây thổ mộ. Đối với thửa 78-1 chị yêu cầu chia di sản thành 3 kỷ phần. Chị và mẹ là chị Trần nhận 01 kỷ phần của anh H2. Chị yêu cầu nhận bằng giá trị theo giá hội đồng định giá đã định.

Đối với giá trị căn nhà G1, G2 chị yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật chị và mẹ là chị Trần nhận 1/6 giá trị nhà G1, G2 theo giá hội đồng định giá đã định. Chị yêu cầu nhận giá trị.

Đối với việc ông H từ chối nhận di sản của anh H2 chị đồng ý và không có ý

kiến gì khác.

Đối chi phí tố tụng chi yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý xác định đây là vụ án “*Tranh chấp di sản thừa kế*” là đúng quan hệ tranh chấp. Quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Vĩnh Long theo qui định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về: Xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; lấy lời khai đương sự; yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ; tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định tại BLTTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các Điều 623, 645, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng H, chị Nguyễn Trần Thúy V, chị Trần Thị Huyền T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thúy K về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

Xác định quyền sử dụng đất thuộc thửa 78-1 diện tích 447.5m² tờ bản đồ số 43 xã Đ. Nhà G1, G2 có kết cấu móng cột bê tông cốt thép, mái tole firoximăng, nền lát gạch ceramic, trần la phong, xây tường, sơn nước, ngăn phòng dày 100mm. Một phần G2 có kết cấu xây tường dày 100mm trụ cột bê tông cốt thép, nền tráng xi măng, mái tole firoximăng, không trần là di sản thừa kế của bà Phan Thị T để lại chưa chia di sản.

Chị Nguyễn Trần Thúy V, chị Trần Thị Huyền T được chia và nhận giá trị 1/4 phần thừa kế đối với phần thừa kế anh Nguyễn Văn H2 cụ thể: 1/4 giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa 78-1 tờ bản đồ số 43 xã Đ (447,5m² * 2.304.000 đồng)/4 = 257.760.000 đồng. Do giá trị nhà G1, G2 được xác định là tài sản chung của ông H, bà T nên Chị Nguyễn Trần Thúy V, chị Trần Thị Huyền T được chia và nhận 01

suất thừa kế phần di sản của bà T cụ thể $((68.6m^2 * 314.400 \text{ đồng}) + (20.3m^2 * 117.215 \text{ đồng})/2)/4 = 2.993.413 \text{ đồng}$.

Ông Nguyễn Hoàng H được chia và nhận giá trị 1/4 phần thừa kế cụ thể: $\frac{1}{4}$ giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa 78-1 tờ bản đồ số 43 xã Đ $(447,5m^2 * 2.304.000 \text{ đồng})/4 = 257.760.000 \text{ đồng}$. Do giá trị nhà G1, G2 được xác định là tài sản chung của ông H, bà T nên ông H được chia và nhận cụ thể $((68.6m^2 * 314.400 \text{ đồng}) + (20.3m^2 * 117.215 \text{ đồng})/2 + ((68.6m^2 * 314.400 \text{ đồng}) + (20.3m^2 * 117.215 \text{ đồng})/2)/4 = 14.967.065 \text{ đồng}$.

Chị K được chia và nhận 2/4 phần bao gồm: $2/4$ giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa 78-1 tờ bản đồ số 43 xã Đ $(447,5m^2 * 2.304.000 \text{ đồng})/2 = 515.520.000 \text{ đồng}$. Do giá trị nhà G1, G2 được xác định là tài sản chung của ông H, bà T nên chị K được chia và nhận cụ thể $((68.6m^2 * 314.400 \text{ đồng}) + (20.3m^2 * 117.215 \text{ đồng})/2)/2 = 5.986.826 \text{ đồng}$. Chị K nhận bằng hiện vật là toàn bộ quyền sử dụng đất thửa 78-1 diện tích $447.5m^2$. Nhà G1, G2 theo hóa đơn hiện trạng sử dụng đất ngày 23/9/2023 và có nghĩa vụ hoàn lại giá trị bằng tiền cho ông H, chị Trân, chị Vy đối với phần di sản ông H, chị Trân, chị Vy được nhận.

Ghi nhận việc ông H từ chối nhận phần di sản mà ông được hưởng từ phần di sản của anh Nguyễn Văn H2.

Tạm giao di sản của bà Phan Thị T là quyền sử dụng đất thuộc thửa 88-1, 88-2 theo hóa đơn hiện trạng sử dụng đất ngày 23/9/2023 cho chị Nguyễn Thúy K tiếp tục quản lý. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và pháp luật áp dụng:

Ngày 27/3/2024 Nguyên đơn có đơn yêu cầu tòa án buộc bị đơn phải chia di sản thừa kế, đồng thời ngày 06/6/2025 tòa án đã thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với thửa 78 tờ bản đồ số 43 xã Đ. Do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Ông Nguyễn Hoàng H và bà Phan Thị T chung sống như vợ chồng từ năm 1983 nên được xem là hôn nhân thực tế và áp dụng luật hôn nhân năm 1959 để giải quyết là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo Giấy xác nhận ngày 27/3/2024 của Công an thị trấn B, huyện Đ, tỉnh Bến Tre, nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long thì bị đơn chị Nguyễn Thúy K có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện còn đang sinh sống tại ấp B, thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre nay là ấp B, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp B, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Vĩnh Long là phù hợp.

[3] *Xét về thời hiệu khởi kiện*: Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Phan Thị T chết ngày 31/3/2015. Cha, mẹ của bà T đều chết trước đó đã lâu nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015 quy định “*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản, ... kể từ thời điểm mở thừa kế*”. Do đó thời hiệu yêu cầu chia di sản trong vụ án này vẫn còn. Tòa án vẫn tiến hành xem xét, giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét hàng thừa kế của bà Phan Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Phan Thị T có chồng là ông Nguyễn Hoàng H, ông H và bà T có 02 con chung là chị Nguyễn Thúy K (Nguyễn Thị Thúy Kiều), anh Nguyễn Văn H2 (đã chết năm 2022). Anh Nguyễn Văn H2 có hàng thừa kế thứ nhất là vợ chị Trần Thị Huyền T, con ruột Nguyễn Trần Thúy V. Ngoài hàng thừa kế nêu trên bà T không còn hàng thừa kế nào khác. Tất cả các đương sự đều thống nhất về hàng thừa kế của bà Phan Thị T như đã nêu trên. Vì vậy, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử lấy làm căn cứ giải quyết vụ án.

[4.2] Về di sản do bà Phan Thị T để lại: Hội đồng xét xử xét thấy theo quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà Phan Thị T thể hiện nguồn gốc đất đối với thửa 78, 88 tờ bản đồ số 43 ấp B, thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre nay là ấp B, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long có nguồn gốc là của cha, mẹ bà Phan Thị T để lại cho bà T. Điều này cũng đã được tất cả các đương sự trong vụ án thừa nhận về nguồn gốc và thống nhất xác định đây là tài sản của cá nhân bà Phan Thị T. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó hội đồng xét xử làm căn cứ để giải quyết vụ án và xác định các thửa đất số 78, 88 tờ bản đồ số 43 ấp B, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long là di sản của bà Phan Thị T để lại chưa chia thừa kế.

[4.3] Đối căn nhà G1, G2 tọa lạc trên thửa đất 78 tờ bản đồ số 43 ông Nguyễn Hoàng H cho rằng đây là tài sản chung giữa ông và bà Phan Thị T. Khi còn sống ông và bà T đã tạo lập. Sau khi bà T chết tài sản này chưa chia di sản. Chị Nguyễn Thúy K cho rằng đây là tài sản của cá nhân bà T có được từ việc bán phần đất của bà T để xây dựng. Mặc dù tại phiên tòa ông H cũng thừa nhận nguồn gốc hình thành căn nhà G1, G2 có được một phần là từ nguồn tiền bà T bán phần đất của bà để xây dựng. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 15 luật hôn nhân gia đình năm 1959 thì vợ chồng có quyền ngang nhau đối với tài sản hình thành trước sau khi cưới trừ trường hợp các bên thừa nhận tài sản riêng. Do đó tài sản nhà G1, G2 được xác định là tài sản chung của vợ chồng ông H, bà T. Vì vậy Hội đồng xét xử làm căn cứ để giải quyết vụ án và xác định nhà G1, G2 tọa lạc trên thửa đất 78-1 tờ bản đồ số 43 có ½ là di sản của bà Phan Thị T để lại chưa chia thừa kế. ½ giá trị là của ông Nguyễn Hoàng H.

[5] Ngày 31/3/2015 bà Phan Thị T chết không để lại di chúc. Các di sản của bà T để lại chưa chia nên việc ông Nguyễn Hoàng H, chị Nguyễn Thúy K, chị

Nguyễn Trần Thúy V và chị Trần Thị Huyền T yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật là có cơ sở nên được hội đồng xét xử xem xét.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của các đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Các đương sự đều thống nhất về nguồn gốc tài sản và xác định các thửa đất 78, 88 tờ 43, là di sản của bà Phan Thị T để lại. Các đương sự đều không yêu cầu chia thừa kế đối với thửa 88 tờ 43 nên Hội đồng xét xử không xét đến. Ông Nguyễn Hoàng H, chị Trần, chị Vy yêu cầu chia di sản theo pháp luật mỗi người nhận 1/3 giá trị tài sản là quyền sử dụng đất qua đo đạc thuộc thửa 78-1 tờ 43. Hội đồng xét xử xét thấy nguồn gốc đất là của cha mẹ bà T để lại cho bà T. Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan đều thừa nhận đây là tài sản của cá nhân bà T. Căn nhà G1, G2 hiện là nơi thờ cúng bà T. Ngoài ra trên căn nhà G1, G2 còn có ông Phan Văn Rớt là em của bà T bị bệnh tâm thần đang ở. Qua công tác xác minh những người ở xung quanh di sản và xem xét thẩm định tại chỗ thì hiện tại nhà G1, G2 chỉ có ông Phan Văn Rớt là người đang ở. Tại phiên tòa ông Nguyễn Hoàng H thừa nhận hiện nay không ở thường xuyên trên căn nhà G1, G2 và có nguyện vọng bán nhà và đất nêu trên để có tiền dưỡng già và chia cho cháu nội. Chị Nguyễn Thúy K là con của bà T là người thờ cúng bà T, không có chỗ ở nào khác, đang nuôi con nhỏ và có nguyện vọng gìn giữ căn nhà và phần đất này để thờ cúng bà T là người để lại di sản và cho người cậu là ông Phan Văn Rớt bệnh tâm thần ở. Điều này là phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp với truyền thống, đạo đức của người Việt Nam nên cần xem xét chấp nhận việc giao di sản là hiện vật gồm quyền sử dụng đất thửa 78-1 và nhà G1, G2 cho chị K. Đồng thời chia cho chị K nhiều hơn 01 kỷ phần, dành cho việc giữ gìn di sản chưa chia, thờ cúng người để lại di sản là bà Phan Thị T là phù hợp. Như vậy thửa 78-1 tờ 43 sẽ được chia thành 4 kỷ phần, chị K nhận 2 kỷ phần, ông H, chị Trần, chị Vy nhận 1 kỷ phần.

[7] Ngoài ra các đương sự thống nhất chỉ chia thửa 78-1 tờ 43 diện tích 447.5m². Việc thửa đất 78-1 tờ 43 với diện tích 447.5m² là đất trồng cây lâu năm. Nếu chia thành 4 kỷ phần thì không thể đủ diện tích tách thửa (diện tích tối thiểu đối với đất nông nghiệp là 500m²). Do đó cần giao cho chị K toàn bộ diện tích thửa đất 78-1 tờ 43. Chị K có nghĩa vụ hoàn trả lại ¼ giá trị thửa đất theo giá định giá cho ông Nguyễn Hoàng H, hoàn trả lại ¼ giá trị thửa đất theo giá định giá cho chị Trần Thị Huyền T, Nguyễn Trần Thúy V là phù hợp. Cụ thể thửa 78-1 diện tích 447.5m² * 2.304.000 đồng = 1.031.040.000 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi một triệu không trăm bốn chục ngàn đồng).

[7.1] Chị K phải hoàn lại ¼ giá trị quyền sử dụng đất cho ông H thành tiền là: 1.031.040.000 đồng/4 = 257.760.000 đồng (Hai trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).

[7.2] Chị K phải hoàn lại ¼ giá trị quyền sử dụng đất cho chị Vy, chị Trần thành tiền là: 1.031.040.000 đồng/4 = 257.760.000 đồng (Hai trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).

[7.3] Chị K được toàn quyền sở hữu quyền sử dụng đất thuộc thửa 78-1 diện tích 447.5m² tờ bản đồ số 43 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 23/9/2025.(giá trị được nhận làm căn cứ tính án phí là 1.031.040.000 đồng/2 = 515.520.000

đồng.)

[8] Do căn nhà G1, G2 có $\frac{1}{2}$ giá trị là tài sản của ông H, $\frac{1}{2}$ là di sản của bà T. Chị K được chia thêm 01 suất thừa kế từ di sản của bà T và được giao quyền sở hữu căn nhà G1, G2. Nên chị K phải hoàn trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà theo giá định giá cho ông Nguyễn Hoàng H, $\frac{1}{2}$ còn lại được chia thành 4 kỷ phần, trong đó ông H, chị Trân và cháu Vy nhận 1 kỷ phần, chị K nhận 2 kỷ phần giá trị căn nhà. Cụ thể giá trị nhà G1, G2 là $(314.400 \text{ đồng} * 68.6\text{m}^2) + 117.215 \text{ đồng} * 20.3\text{m}^2 = 23.947.305 \text{ đồng}$.

[8.1] Chị K phải hoàn lại giá trị căn nhà G1, G2 ông H được nhận là: $(23.947.305 \text{ đồng}/2) + ((23.947.305 \text{ đồng})/2)/4 = 14.967.065 \text{ đồng}$ (Mười bốn triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng). Như vậy tổng cộng giá trị quyền sử dụng đất và nhà chị K phải hoàn trả cho ông H là 272.725.065 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng)

[8.2] Chị K phải hoàn lại giá trị căn nhà G1, G2 chị Trân, chị Vy được nhận là: $(23.947.305 \text{ đồng}/2)/4 = 2.993.413 \text{ đồng}$ (Hai triệu chín trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm mười ba đồng). Như vậy tổng cộng giá trị quyền sử dụng đất và nhà chị K phải hoàn trả cho chị Trân, chị Vy là 260.753.413 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn bốn trăm mười ba đồng)

[8.3] Chị K được chia bằng hiện vật được quyền sở hữu nhà G1, G2 có kết cấu móng cột bên tông cốt thép, mái tole firôximăng, nền lát gạch ceramic, trần la phong, xây tường, sơn nước, ngăn phòng dày 100mm. Một phần G2 có kết cấu xây tường dày 100mm trụ cột bê tông cốt thép, nền tráng xi măng, mái tole firôximăng, không trần. (Giá trị nhà G1, G2 chị K được nhận làm căn cứ tính án phí là: $(23.947.305 \text{ đồng}/2)/2 = 5.986.826 \text{ đồng}$ (năm triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn tám trăm hai mươi sáu đồng).

[9] Ghi nhận việc ông H từ chối nhận di sản ông được nhận từ phần anh H2 được nhận. ông H đồng ý để cho chị Vy, chị Trân nhận phần di sản anh H2 được nhận.

[10] Chị Nguyễn Thúy K là người được giao sở hữu di sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa 78-1 tờ 43 và nhà G1, G2 và là người gìn giữ di sản, thờ cúng bà T. Thửa 88 tờ 43 có phần mộ của bà T. Do đó, Tạm giao thửa 88-1, 88-2 tờ bản đồ số 43 cho chị K tiếp tục quản lý là phù hợp. Khi nào các đương sự có yêu cầu phân chia di sản thì giải quyết bằng vụ án khác.

[11] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Biên bản quyết toán ngày 29/9/2025 thì tổng số chi phí tố tụng do phía nguyên đơn đã tạm ứng và đã quyết toán xong số tiền là 13.790.800 đồng (Mười ba triệu bảy trăm chín mươi ngàn tám trăm đồng). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn được chấp nhận nên toàn bộ chi phí tố tụng các đương sự được nhận di sản sẽ phải chịu tương ứng với tỷ lệ tài sản mà họ được nhận theo quy định tại các Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể: chị

Nguyễn Thúy K phải chịu 6.826.447 đồng (Sáu triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn bốn trăm bốn mươi bảy đồng); ông Nguyễn Hoàng H phải chịu 3.558.026 đồng (Ba triệu năm trăm năm mươi tám ngàn không trăm hai mươi sáu đồng). chị Nguyễn Trần Thúy V và chị Trần Thị Huyền T phải chịu 3.406.327 đồng (Ba triệu bốn trăm lẻ sáu ngàn ba trăm hai mươi bảy đồng). Như vậy chị Nguyễn Thúy K phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hoàng H 6.826.447 đồng (Sáu triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn bốn trăm bốn mươi bảy đồng). Chị Nguyễn Trần Thúy V và chị Trần Thị Huyền T phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hoàng H 3.406.327 đồng (Ba triệu bốn trăm lẻ sáu ngàn ba trăm hai mươi bảy đồng).

[13] Về án phí:

[13.1] Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do ông Nguyễn Hoàng H là người cao tuổi, có đơn xin được miễn nộp án phí. Do đó được miễn nộp toàn bộ án phí.

[13.2] Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

[13.3] Chị Nguyễn Thúy K phải chịu án phí trên số tài sản được nhận là: $20.000.000 \text{ đồng} + (521.506.826 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) * 4\% = 24.860.273 \text{ đồng}$ (Hai mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng).

[13.4] Chị Nguyễn Trần Thúy V, Trần Thị Huyền T phải liên đới chịu án phí trên số tài sản được nhận là: $260.753.413 \text{ đồng} * 5\% = 13.037.670 \text{ đồng}$ (Mười ba triệu không trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm bảy mươi đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 2, 3, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Khoản 2 Điều 244, Điều 157, 165, Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 623, 645, 649, 650, 651, 652, 660 bộ luật Dân sự.

Điều 15 Luật Hôn nhân gia đình năm 1959.

Điều 26, 27 Luật Đất đai năm 2024

Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trần Thúy V, Trần Thị Huyền T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Thúy K về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

2. Xác định quyền sử dụng đất thuộc thửa 78-1 diện tích 447.5m², tờ bản đồ số 43 xã Đ, tỉnh Vĩnh Long, ½ nhà G1, G2 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 23/9/2025 là di sản thừa kế của Phan Thị T để lại.

3. Buộc chị Nguyễn Thúy K phải chia di sản thừa kế cho ông Nguyễn Hoàng H bằng tiền là 272.725.065 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng)

4. Buộc chị Nguyễn Thúy K phải chia di sản thừa kế cho người thừa kế của anh Nguyễn Văn H2 là chị Nguyễn Trần Thúy V, Trần Thị Huyền T bằng tiền là 260.753.413 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn bốn trăm mười ba đồng)

5. Chị Nguyễn Thúy K được chia và nhận bằng hiện vật quyền sở hữu đối quyền sử dụng đất thuộc thửa 78-1 tờ bản đồ số 43, diện tích 447.5m² xã Đ, tỉnh Vĩnh Long và nhà G1, G2 có kết cấu móng cột bê tông cốt thép, mái tole firôximăng, nền lát gạch ceramic, trần la phong, xây tường, sơn nước, ngăn phòng dày 100mm. Một phần G2 có kết cấu xây tường dày 100mm trụ cột bê tông cốt thép, nền tráng xi măng, mái tole firôximăng, không trần, tọa lạc trên thửa 78-1 tờ bản đồ số 43 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 23/9/2025. (có họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 23/9/2025 kèm theo)

6. Tạm giao quyền sử dụng đất thuộc thửa 88-1, 88-2 cho chị Nguyễn Thúy K tiếp tục quản lý, sử dụng. Khi nào các đương sự có yêu cầu phân chia thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác để giải quyết.

7. Ghi nhận việc ông Nguyễn Hoàng H từ chối nhận phần di sản mà ông được nhận từ anh Nguyễn Văn H2, ông H đồng ý để phần di sản mà ông được nhận từ anh Nguyễn Văn H2 cho chị Vy và chị Trần nhận.

Chị Nguyễn Thúy K có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả tuyên xử nêu trên.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự theo kết quả tuyên xử nêu trên.

8. Về chi phí tố tụng:

[8.1] Chị Nguyễn Thúy K phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hoàng H 6.826.447 đồng (Sáu triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn bốn trăm bốn mươi bảy đồng).

[8.2] Chị Nguyễn Trần Thúy V và chị Trần Thị Huyền T phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hoàng H 3.406.327 đồng (Ba triệu bốn trăm lẻ sáu ngàn ba trăm hai mươi bảy đồng).

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Hoàng H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí.

Chị Nguyễn Thúy K phải chịu là: 24.860.273 đồng (Hai mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0011335 của Chi cục thi hành án dân

sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Vĩnh Long và biên lai thu số 0003073 ngày 23/9/2025 của cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Vậy chị Nguyễn Thúy K còn phải nộp thêm 18.610.273 đồng (mười tám triệu sáu trăm mười ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng).

Chị Nguyễn Trần Thúy V, Trần Thị Huyền T phải liên đới chịu án phí là: 13.037.670 đồng (Mười ba triệu không trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm bảy mươi đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp là 3.575.000 đồng (Ba triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0008129, 0008128 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Vĩnh Long. Vậy chị Nguyễn Trần Thúy V, Trần Thị Huyền T còn phải liên đới nộp thêm 9.462.670 đồng (Chín triệu bốn trăm sáu mươi hai ngàn sáu trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long
- Cơ quan THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thái Dương